TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 5 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Hằng T; cư trú tại: Ấp H, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn Đ; cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn là chị Nguyễn Hằng T thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hằng T và anh Trần Văn Đ tổ chức đám cưới vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau vào ngày 10 tháng 12 năm 2010. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn nên xảy ra cự cãi và anh Đ đánh chị, sự việc đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành và đã ly thân từ tháng 01/2018 âm lịch cho đến nay. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Gồm Trần Như H và Trần Ánh D do chị nuôi dưỡng cùng gia đình của chị. Khi làm đơn khởi kiện, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị và anh Đ đã thỏa thuận việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn nên chị rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không có.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của bị đơn là anh Trần Văn Đ thể hiện:*

Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ như lời trình bày của chị Triểu. Nhưng về mâu thuẫn là do khi anh, chị về chung sống đến khoảng tháng 09 -10/2017 thì chị T thường xuyên đi, về và khi phát hiện chị T liên hệ điện thoại với người đàn ông khác anh đã đánh chị T vài lần, sự việc xảy ra được gia đình hai bên hòa giải nhưng chị T vẫn không khắc phục, sửa chữa. Nay việc chị T tự ý làm đơn ly hôn không được sự đồng ý của anh và chưa thông qua ý kiến gia đình hai bên nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Giữa anh và chị T đã thỏa thuận xong việc nuôi dưỡng sau khi ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hằng T và anh Trần Văn Đ tổ chức đám cưới vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau vào ngày 10 tháng 12 năm 2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo chị T, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn nên xảy ra cự cãi và anh Đ đã đánh chị, sự việc được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành và đã ly thân từ tháng 01/2018 âm lịch cho đến nay. Theo anh Đ, khi về chung sống đến khoảng tháng 09 -10/2017 thì chị T thường xuyên đi, về và khi phát hiện chị T có liên hệ điện thoại với người đàn ông khác thì anh đã đánh chị T vài lần và đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng chị T vẫn không khắc phục, sửa chữa.

Nay chị T xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Đ. Còn anh Đ cho rằng, việc chị T tự ý làm đơn ly hôn không được sự đồng ý của anh và chưa thông qua ý kiến gia đình nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Xét yêu cầu của các đương sự, thấy rằng: Việc anh Đ cho rằng chị T có liên hệ điện thoại với người đàn ông khác, không được chị T thừa nhận nhưng anh Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về vấn đề này; việc định đoạt về quan hệ hôn nhân là do một trong hai bên trong quan hệ quyết định chứ không cần phải có sự đồng ý của bên còn lại hoặc phải thông qua gia đình nên không chấp nhận những căn cứ mà anh Đ đã đưa ra để không đồng ý ly hôn. Mặt khác, anh Đ đã thừa nhận do nghi ngờ chị T ngoại tình nên anh có đánh chị T, hành vi này của anh T là hành vi bạo lực gia đình, vi phạm pháp luật, đây là một trong những nguyên nhân làm cho hôn nhân của anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh Đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị T và anh Đ đã thỏa thuận xong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn và chị T rút lại yêu cầu này.

Thấy rằng, việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu mà chị T đã rút là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có phát sinh việc tranh chấp việc nuôi con sau khi ly hôn sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về tài sản và nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hằng T. Cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- Đình chỉ yêu cầu của chị T về việc giải quyết nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009825 ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã TẠ An Khương, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn